



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2010

CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM**MỤC LỤC**

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của ban Tổng Giám Đốc	2 – 6
3. Báo cáo kiểm toán	7 – 8
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất ngày 31 tháng 12 năm 2010	9 – 12
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010	13
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010	14 – 15
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010	16 – 41
8. Phụ lục	42 - 45

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần đại lý hàng hải Việt Nam trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần đại lý hàng hải Việt Nam và các công ty con (gọi chung là Tập đoàn).

Khái quát về Công ty

Công ty cổ phần đại lý hàng hải Việt Nam là Doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước - Đại lý hàng hải Việt Nam theo Quyết định số 5099/QĐ-BGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2005 của Bộ Giao thông Vận tải. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005432 ngày 20 tháng 10 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký thay đổi kinh doanh sau:

- Đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 16 tháng 5 năm 2007 và đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 10 tháng 7 năm 2009 về bổ sung ngành nghề kinh doanh.
- Đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 18 tháng 4 năm 2009 về thay đổi thông tin của người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

Cổ đông	Vốn góp (VND)	Tỷ lệ (%)
Vốn nhà nước:	59.415.000.000	51,00
- Đại diện: + Ông Trần Dũng Kháng + Ông Phạm Mạnh Cường + Ông Vũ Xuân Trung + Ông Trịnh Vũ Khoa		
Các cổ đông khác	57.085.000.000	49,00
Cộng	116.500.000.000	100,00

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Phòng 801 (lầu 8), số 35 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh.
Điện thoại : (84-8) 39.141.490 - 39.140.422
Fax : (84-8) 38.214.919 - 39.140.423
E-mail : vosagroup@hcm.vnn.vn
Website : www.vosagroup.com
Mã số thuế : 0300437898

Các đơn vị trực thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
1. Chi nhánh Công ty cổ phần đại lý hàng hải Việt Nam – Đại lý hàng hải Quảng Ninh (Vosa Quảng Ninh).	Số 70 đường Lê Thánh Tông, phường Hồng Gai, TP. Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.
2. Chi nhánh Công ty cổ phần đại lý hàng hải Việt Nam – Đại lý hàng hải Hải Phòng (Vosa Hải Phòng).	Số 25 đường Điện Biên Phủ, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng.
3. Chi nhánh Công ty cổ phần đại lý hàng hải Việt Nam – Đại lý hàng hải Hà Nội (Vosa Hà Nội).	Phòng 707 (lầu 7), số 01 Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, TP. Hà Nội.
4. Chi nhánh Công ty cổ phần đại lý hàng hải Việt Nam – Đại lý hàng hải Bến Thủy (Vosa Bến Thủy).	Số 86 Nguyễn Thị Minh Khai, TP. Vinh, tỉnh Nghệ An.
5. Chi nhánh Công ty cổ phần đại lý hàng hải Việt Nam – Đại lý hàng hải Đà Nẵng (Vosa Đà Nẵng).	Số 03 đường Quang Trung, phường Hải Châu, quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng.
6. Chi nhánh Công ty cổ phần đại lý hàng hải Việt Nam	Số 147 đường Trần Hưng Đạo, TP. Quy

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Tên đơn vị	Địa chỉ
– Đại lý hàng hải Quy Nhơn (Vosa Quy Nhơn).	Nhơn, tỉnh Bình Định.
7. Chi nhánh Công ty cổ phần đại lý hàng hải Việt Nam – Đại lý hàng hải Nha Trang (Vosa Nha Trang).	Số 10, đường Hoàng Diệu, phường Vĩnh Nguyên, TP. Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.
8. Chi nhánh Công ty cổ phần đại lý hàng hải Việt Nam – Đại lý hàng hải Vũng Tàu (Vosa Vũng Tàu).	Số 4 Quang Trung, phường 1, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.
9. Chi nhánh Công ty cổ phần đại lý hàng hải Việt Nam – Đại lý hàng hải Sài Gòn (Vosa Sài Gòn).	Số 3-5-7 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh.
10. Chi nhánh Công ty cổ phần đại lý hàng hải Việt Nam – Đại lý hàng hải Cần Thơ (Vosa Cần Thơ).	Số 53A-B đường Cách Mạng Tháng Tám, phường An Hòa, quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ.
11. Chi nhánh Công ty cổ phần đại lý hàng hải Việt Nam – Đại lý vận tải Quốc tế phía Bắc (North Freight).	Số 25 đường Điện Biên Phủ, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng.
12. Chi nhánh Công ty cổ phần đại lý hàng hải Việt Nam – Dịch vụ hàng hải Phương Đông (Orimas).	Số 54 đường Lê Lợi, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng.
13. Chi nhánh Công ty cổ phần đại lý hàng hải Việt Nam – Đại lý, dịch vụ hàng hải và thương mại (Samtra).	Số 75 đường Nguyễn Trường Tộ, phường 12, quận 4, TP. Hồ Chí Minh.
14. Chi nhánh Công ty cổ phần đại lý hàng hải Việt Nam – Đại lý thương mại và dịch vụ hàng hải (Vitamas).	Số 44 đường Nguyễn Tất Thành, phường 12, quận 4, TP. Hồ Chí Minh.

Hoạt động chính của Công ty cổ phần đại lý hàng hải Việt Nam là:

- Đại lý, kiểm đếm hàng hóa;
- Môi giới và dịch vụ hàng hải;
- Xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị kỹ thuật giao thông vận tải;
- Đại lý tàu biển (cung ứng thực phẩm, nước ngọt) và đại lý hàng hải (giao nhận kho vận, kho ngoại thương);
- Sản xuất các loại miếng đệm kỹ thuật;
- Nhập khẩu tàu cũ để phá dỡ và xuất khẩu sắt thép phế liệu;
- Dịch vụ chuyển phát bưu kiện (chỉ được kinh doanh khi có giấy phép của Tổng Cục Bưu điện);
- Xuất nhập khẩu và tạm nhập, tái xuất, chuyển khẩu xăng dầu;
- Vận tải container bằng đường bộ;
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng công nghiệp nhẹ, máy vi tính, trang thiết bị văn phòng, hàng triển lãm;
- Xuất nhập khẩu sắt, thép phế liệu, máy in công nghiệp các loại, hàng tiêu dùng, hàng thực phẩm, thiết bị viễn thông;
- Cho thuê văn phòng;
- Dịch vụ cung ứng tàu biển;
- San lấp mặt bằng;
- Xuất nhập khẩu, mua bán, đại lý ký gửi hàng hóa trong và ngoài nước gồm: hóa chất phục vụ sản xuất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), hàng nông – hải sản;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ và đường thủy;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Đại lý ký gửi hàng hóa và đại lý bán vé máy bay;
- Xuất nhập khẩu vật tư phục vụ nông nghiệp gồm: phân bón các loại;
- Sản xuất, gia công và mua bán các loại bao bì (không tái chế phế thải, xi mạ điện, gia công cơ khí, chế biến gỗ, in tráng bao bì kim loại tại trụ sở);
- Vận tải đa phương quốc tế;
- Dịch vụ lai dắt tàu biển;
- Dịch vụ logistic;
- Dịch vụ sửa chữa tàu biển tại cảng;
- Dịch vụ vệ sinh tàu biển;
- Mua bán, cho thuê và sửa chữa container;

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Kinh doanh vận tải biển;
- Kinh doanh kho bãi;
- Mua bán than, vật liệu xây dựng (không mua bán tại trụ sở);
- Kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch: khách sạn (không kinh doanh khách sạn tại trụ sở);
- Kinh doanh lữ hành nội địa, quốc tế;
- Dịch vụ khai thuê hải quan;
- Bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản;
- Kinh doanh bất động sản;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng;
- Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan (trừ gas);
- Môi giới (trừ môi giới bất động sản).

Các công ty con

Tên công ty	Địa chỉ	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ phần sở hữu
Công ty TNHH Shipping Việt Nam	China Phòng 1009, tầng 10, số 37 Tôn Đức Thắng, quận 1, TP. Hồ Chí Minh	Môi giới hàng hải, giao nhận hàng hóa và kho vận, kinh doanh kho bãi, cung ứng tàu biển, cho thuê và sửa chữa container, vận tải đường bộ và đường biển.	51,00%
Công ty TNHH SYMS Việt Nam (*)	Số 75 đường Nguyễn Trường Tộ, phường 12, quận 4, TP. Hồ Chí Minh	Cung cấp hàng hải, dịch vụ đại lý giao nhận hàng hóa nội địa và quốc tế, dịch vụ đại lý vận tải hàng hóa, dịch vụ thông quan	51,00%
Công ty cổ phần bất động sản đại lý hàng hải Việt Nam (Vosaland)	Lầu 8, số 35 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh.	Kinh doanh bất động sản, xây dựng nhà và các công trình kỹ thuật dân dụng.	51,00%

(*) Đã giải thể từ ngày 29 tháng 12 năm 2009 nhưng đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010 vẫn chưa hoàn tất các thủ tục pháp lý có liên quan.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Tập đoàn được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm báo cáo này (từ trang 09 đến trang 41).

Trong năm, Công ty cổ phần đại lý hàng hải Việt Nam phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2009 đã được Đại hội cổ đông thường niên năm 2010 thông qua như sau:

- Trích lập các quỹ:
 - + Quỹ đầu tư phát triển : 1.507.625.714 VND
 - + Quỹ dự phòng tài chính : 1.507.625.714 VND
 - + Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ 1.507.625.714 VND
 - + Quỹ khen thưởng, phúc lợi : 6.030.502.854 VND
 - + Quỹ đổi ngoại, phát triển kinh doanh: 301.525.143 VND
 - + Quỹ khen thưởng Hội đồng quản trị, Ban điều hành, Ban kiểm soát : 301.525.143 VND
- Chia cổ tức: 11 % mệnh giá tương đương 12.500.000.000 VND

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần đại lý hàng hải Việt Nam khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2010 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Hội đồng quản trị và Ban điều hành

Thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty cổ phần đại lý hàng hải Việt Nam trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Trần Dũng Kháng	Chủ tịch	23 tháng 3 năm 2009	-
Ông Phạm Mạnh Cường	Ủy viên	23 tháng 6 năm 2006	-
Ông Vũ Xuân Trung	Ủy viên	23 tháng 6 năm 2006	-
Ông Hoàng Hoa Phòng	Ủy viên	26 tháng 6 năm 2009	-
Ông Trịnh Vũ Khoa	Ủy viên	26 tháng 6 năm 2009	-
Ông Trần Xuân Nam	Ủy viên	26 tháng 6 năm 2009	-
Ông Tô Hiếu Thuận	Ủy viên	26 tháng 6 năm 2009	-

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Nguyễn Thị Thanh Trang	Trưởng ban	23 tháng 6 năm 2006	-
Ông Dương Như Hùng	Ủy viên	26 tháng 6 năm 2009	-
Ông Đặng Huy Lập	Ủy viên	23 tháng 6 năm 2006	-
Ông Võ Trung Thắng	Ủy viên	23 tháng 6 năm 2006	-
Bà Phùng Thị Nga	Ủy viên	23 tháng 6 năm 2006	-

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Trần Dũng Kháng	Tổng Giám đốc	16 tháng 6 năm 2006	-
Ông Phạm Mạnh Cường	Phó Tổng Giám đốc	16 tháng 6 năm 2006	-
Ông Vũ Xuân Trung	Phó Tổng Giám đốc	05 tháng 10 năm 2010	-
Ông Hoàng Hoa Phòng	Phó Tổng Giám đốc	05 tháng 10 năm 2010	-
Ông Trịnh Vũ Khoa	Phó Tổng Giám đốc	08 tháng 10 năm 2010	-

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C) đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần đại lý hàng hải Việt Nam chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Tập đoàn trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần đại lý hàng hải Việt Nam phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty cổ phần đại lý hàng hải Việt Nam đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn và Báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ các chuẩn mực và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần đại lý hàng hải Việt Nam cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

(Đã ký)

Trần Dũng Kháng
Tổng Giám đốc

Ngày 26 tháng 05 năm 2011

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2010 CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Kính gửi: CỐ ĐỒNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2010 của Công ty cổ phần đại lý hàng hải Việt Nam và các công ty con (gọi chung là Tập đoàn) gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 28 tháng 3 năm 2011, từ trang 9 đến trang 42 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần đại lý hàng hải Việt Nam. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến về các báo cáo này dựa trên kết quả công việc kiểm toán.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính hợp nhất; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần đại lý hàng hải Việt Nam cũng như cách trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Giới hạn về phạm vi kiểm toán

- Công ty TNHH SYMS Việt Nam – công ty con bị loại ra khỏi quá trình hợp nhất Báo cáo tài chính năm 2009 do Công ty này đã giải thể từ ngày 29 tháng 12 năm 2009 và không có Báo cáo tài chính.
- Các thông tin phục vụ cho việc trình bày khoản đầu tư vào Công ty TNHH NYK Line (Việt Nam) theo phương pháp vốn chủ sở hữu trong Báo cáo tài chính hợp nhất căn cứ vào số liệu trên Báo cáo tài chính chưa được kiểm toán của Công ty này.
- Chúng tôi chưa được cung cấp đầy đủ đối chiếu công nợ tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010 của các khoản mục sau:

Khoản mục	Số tiền (VND)	Thuyết minh
Phải thu khách hàng	32.776.415.144	V.3
Phải trả người bán	6.210.620.628	V.20
Người mua trả tiền trước	19.706.546.607	V.21
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	71.625.868.594	V.24
Vay và nợ dài hạn	3.078.906.000	V.27

Với những tài liệu hiện có ở Công ty, chúng tôi cũng không thể kiểm tra tính đúng đắn của các khoản công nợ tại thời điểm trên bằng các thủ tục kiểm toán khác.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu trên, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Vấn đề lưu ý

Đến thời điểm phát hành Báo cáo kiểm toán này, Công ty vẫn chưa nhận được Biên bản bàn giao chính thức từ Doanh nghiệp Nhà nước sang Công ty cổ phần và chưa hoàn tất các thủ tục pháp lý liên quan đến việc giải thể Công ty TNHH SYMS Việt Nam.

Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn (A&C)

(Đã ký)

Võ Hùng Tiến - Tổng Giám đốc

Chứng chỉ kiểm toán viên số: Đ.0083/KTV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 05 năm 2011.

(Đã ký)

Dương Hồng Phúc - Kiểm toán viên

Chứng chỉ kiểm toán viên số: Đ.0093/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 801, lầu 8, số 35 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		358,030,236,377	282,849,631,709
I. Tiền và các khoản tương đương	110	V.1	224,812,921,955	187,113,826,840
1. Tiền	111		132,701,321,955	150,543,226,840
2. Các khoản tương đương tiền	112		92,111,600,000	36,570,600,000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		1,500,000,000	1,500,000,000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	1,500,000,000	1,500,000,000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		107,290,195,038	80,068,517,296
1. Phải thu khách hàng	131	V.3	82,982,816,357	55,908,602,736
2. Trả trước cho người bán	132	V.4	11,246,195,433	5,917,456,173
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.5	14,662,711,553	19,160,500,936
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.6	(1,601,528,305)	(918,042,549)
IV. Hàng tồn kho	140		3,365,151	12,792,108
1. Hàng tồn kho	141		3,365,151	12,792,108
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		24,423,754,233	14,154,495,465
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7	615,351,966	211,723,982
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		4,067,040,163	1,838,309,561
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.22	923,164,736	446,169,796
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.8	18,818,197,368	11,658,292,126

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 801, lầu 8, số 35 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		154,592,501,200	169,709,169,824
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		126,568,038,204	126,819,749,325
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	82,454,150,930	84,714,031,021
<i>Nguyên giá</i>	222		140,779,082,164	137,914,615,078
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(58,324,931,234)	(53,200,584,057)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	11,592,937,946	9,526,761,552
<i>Nguyên giá</i>	228		11,981,816,012	9,768,302,372
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(388,878,066)	(241,540,820)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	32,520,949,328	32,578,956,752
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		23,717,721,506	38,350,160,192
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.12	3,281,370,000	3,281,370,000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.13	7,940,485,755	10,401,879,112
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.14	13,876,977,439	26,048,022,768
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	V.15	(1,381,111,688)	(1,381,111,688)
V. Tài sản dài hạn khác	260		4,306,741,490	4,539,260,307
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.16	2,543,042,531	2,435,706,476
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.17	-	119,319,072
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.18	1,763,698,959	1,984,234,759
VI. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		512,622,737,577	452,558,801,533

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 801, lầu 8, số 35 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300			316,853,637,162	273,719,632,762
I. Nợ ngắn hạn	310			311,780,151,014	268,755,950,789
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.19		5,622,631,000	9,451,460,000
2. Phải trả người bán	312	V.20		48,147,276,158	77,553,679,489
3. Người mua trả tiền trước	313	V.21		30,518,253,132	4,392,455,708
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.22		13,255,695,964	11,907,701,086
5. Phải trả người lao động	315			32,562,614,399	29,061,741,843
6. Chi phí phải trả	316	V.23		8,849,687,639	5,423,158,235
7. Phải trả nội bộ	317			-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318			-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.24		154,571,261,044	109,731,863,270
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.25		18,252,731,678	21,233,891,158
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327			-	-
II. Nợ dài hạn	330			5,073,486,148	4,963,681,973
1. Phải trả dài hạn người bán	331			-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332			-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	V.26		202,483,408	155,982,936
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.27		3,078,906,000	3,263,906,000
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335			-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.28		1,792,096,740	1,543,793,037
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338			-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339			-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400			181,577,112,051	169,059,011,373
I. Vốn chủ sở hữu	410			181,577,112,051	169,059,011,373
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.29		116,500,000,000	116,500,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412			-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414			-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	V.29		3,129,560,543	5,170,575,744
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.29		24,737,700,420	22,913,607,721
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.29		5,558,479,791	3,391,547,859
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	V.29		5,021,439,697	627,269,383
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.29		26,629,931,600	20,456,010,666
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421			-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422			-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			-	-
1. Nguồn kinh phí	432			-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433			-	-
C - LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439	V.30		14,191,988,364	9,780,157,398
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440			512,622,737,577	452,558,801,533

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 801, lầu 8, số 35 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		463,729,000	463,729,000
5. Ngoại tệ các loại: Dollar Mỹ (USD)		4,460,725.02	4,162,364.26
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2011

(Đã ký)

Võ Trung Thắng
Người lập biểu

(Đã ký)

Phan Văn Khánh
Phó phụ trách
Phòng Tài chính kế toán

(Đã ký)

Trần Dũng Kháng
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 801, lầu 8, số 35 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**Năm 2010**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	568,609,357,991	526,392,635,379
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	568,609,357,991	526,392,635,379
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	478,574,284,838	460,859,484,353
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		90,035,073,153	65,533,151,026
6. Doanh thu tài chính	21	VI.3	27,473,930,437	26,990,410,502
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	3,948,942,032	1,907,120,509
Trong đó: chi phí lãi vay	23		652,722,832	825,567,041
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.5	76,530,700,077	59,754,431,804
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		37,029,361,481	30,862,009,215
11. Thu nhập khác	31	VI.6	6,584,463,666	818,230,433
12. Chi phí khác	32	VI.7	1,686,710,242	2,384,054,032
13. Lợi nhuận khác	40		4,897,753,424	(1,565,823,599)
14. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45		5,917,606,643	9,750,176,469
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		47,844,721,548	39,046,362,085
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.22	9,199,278,614	6,360,702,500
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	V.17	119,319,072	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>38,526,123,862</u>	<u>32,685,659,585</u>
18.1. Lợi ích của cổ đông thiểu số	61		4,278,411,266	2,533,145,313
18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		<u>34,247,712,596</u>	<u>30,152,514,272</u>
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	<u>2,940</u>	<u>2,589</u>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2011

(Đã ký)

Võ Trung Thắng
Người lập biểu

(Đã ký)

Phan Văn Khánh
Phó phụ trách
Phòng Tài chính kế toán

(Đã ký)

Trần Dũng Khánh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 801, lầu 8, số 35 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2010

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		1,242,585,912,527	1,116,210,851,977
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(832,989,571,476)	(817,157,205,196)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(99,068,322,688)	(76,879,559,318)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(885,971,250)	(248,067,041)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	V.21	(7,066,011,580)	(2,142,264,093)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		1,674,914,313,895	1,602,256,470,678
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(1,942,239,196,318)	(1,782,911,217,754)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		35,251,153,110	39,129,009,253
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.9,10,11, VII.2	(20,623,902,188)	(6,079,354,443)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	VI.6	5,582,363,637	735,252,705
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	VII.3	(110,351,060,140)	(16,550,200,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	VII.3	118,699,192,000	10,000,000,000
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(3,060,000,000)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	40,000,000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.3,V.5,V.14	20,126,832,963	18,188,301,299
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		13,433,426,272	3,273,999,561

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 801, lầu 8, số 35 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	63,000,000
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.19	5,150,120,913	7,875,657,498
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.19, V.27	(9,163,949,913)	(5,439,197,498)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.29	(12,814,059,500)	(22,844,470,463)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(16,827,888,500)	(20,345,010,463)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		31,856,690,882	22,057,998,351
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	187,113,826,840	159,613,446,872
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		5,842,404,233	5,442,381,617
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	224,812,921,955	187,113,826,840
			-	-

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2011

(Đã ký)

Võ Trung Thắng
 Người lập biểu

(Đã ký)

Phan Văn Khánh
 Phó phụ trách
 Phòng Tài chính kế toán

(Đã ký)

Trần Dũng Kháng
 Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 801 (lầu 8), số 35 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT Năm 2010

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cổ phần đại lý hàng hải Việt Nam cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 bao gồm báo cáo tài chính của Công ty cổ phần đại lý hàng hải Việt Nam (công ty mẹ) và các công ty con (gọi chung là Tập đoàn).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN

- Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
- Lĩnh vực kinh doanh** : Dịch vụ, thương mại.
- Ngành nghề kinh doanh** : Đại lý, kiểm đếm hàng hóa; Môi giới và dịch vụ hàng hải; Đại lý tàu biển (cung ứng thực phẩm, nước ngọt) và đại lý hàng hải (giao nhận kho vận, kho ngoại thương); Sản xuất các loại miếng đệm kỹ thuật; Vận tải container bằng đường bộ; Cho thuê văn phòng; Dịch vụ cung ứng tàu biển; Xuất nhập khẩu, mua bán, đại lý ký gửi hàng hóa trong và ngoài nước gồm: hóa chất phục vụ sản xuất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), hàng nông – hải sản; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ và đường thủy; Bốc xếp hàng hóa; Đại lý ký gửi hàng; Vận tải đa phương quốc tế; Dịch vụ lai dắt tàu biển; Dịch vụ logistic; Mua bán, cho thuê và sửa chữa container; Kinh doanh vận tải biển; Kinh doanh kho bãi; Kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch: khách sạn (không kinh doanh khách sạn tại trụ sở); Dịch vụ khai thuê hải quan.
- Tổng số các công ty con** : 03

Trong đó:

Số lượng các công ty con được hợp nhất: 02.

Số lượng các công ty con không được hợp nhất: 01.

5. Danh sách các công ty con được hợp nhất

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Quyền biểu quyết</i>
Công ty TNHH China Shipping Việt Nam	Phòng 1009, tầng 10, số 37 Tôn Đức Thắng, quận 1, TP. Hồ Chí Minh	51%	51%
Công ty cổ phần bất động sản đại lý hàng hải Việt Nam ^(*)	Lầu 8, số 35 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh.	51%	51%

^(*) Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Công ty cổ phần bất động sản đại lý hàng hải Việt Nam chưa được kiểm toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 801 (lầu 8), số 35 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

6. Các công ty con bị loại khỏi quá trình hợp nhất

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Lý do</i>
Công ty TNHH SYMS Việt Nam	Số 75 đường Nguyễn Trường Tộ, phường 12, quận 4, TP. Hồ Chí Minh	Không có Báo cáo tài chính do đã giải thể từ ngày 29 tháng 12 năm 2009

7. Công ty liên kết được phản ánh trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ phần sở hữu</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Công ty TNHH NYK Line (Việt Nam) ^(*)	Phòng 602, số 2A-4A Tôn Đức Thắng, quận 1, TP. Hồ Chí Minh	49,00%	49,00%

^(*) Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Công ty TNHH NYK Line (Việt Nam) chưa được kiểm toán.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của các Công ty trong Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo hướng dẫn của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần đại lý Việt Nam (công ty mẹ) đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Tập đoàn sử dụng hình thức kế toán chứng từ ghi sổ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 801 (lầu 8), số 35 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Các công ty con

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần đại lý Việt Nam (công ty mẹ) và các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán của áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

3. Hợp nhất kinh doanh

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh với phần sở hữu của bên mua Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh nghiệp vụ mua.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 801 (lầu 8), số 35 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

4. Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là công ty mà Tập đoàn có những ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết được bao gồm trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu từ ngày bắt đầu có ảnh hưởng đáng kể cho đến ngày ảnh hưởng đáng kể kết thúc. Khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Chênh lệch giữa chi phí đầu tư và phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu chi phí đầu tư thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh nghiệp vụ mua.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

5. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

7. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 801 (lầu 8), số 35 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 – 30
Máy móc và thiết bị	03 – 06
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	02 – 15
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 - 10

9. Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn nên không tính khấu hao. Riêng quyền sử dụng đất tại xã Phú Mỹ, phường Phú Thuận, quận 7, TP. Hồ Chí Minh được được khấu hao trong 43 năm.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao trong thời gian từ 3 - 5 năm.

10. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 801 (lầu 8), số 35 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

11. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán được ghi nhận theo giá gốc. Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

12. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Tập đoàn đang sử dụng. Tiền thuê đất được phân bổ theo thời hạn thuê qui định trên hợp đồng thuê đất.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản cố định là toàn bộ chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra để sửa chữa văn phòng, nhà làm việc. Chi phí này được phân bổ trong 3 năm

13. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

14. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm và bảo hiểm thất nghiệp

Công ty mẹ

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 tại Công ty. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là 3% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí theo hướng dẫn tại Thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Bộ Tài chính. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trợ cấp cho người lao động thôi việc trong năm thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

Công ty TNHH China Shipping Việt Nam

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 tại Công ty. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là $\frac{1}{2}$ tháng lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 người sử dụng lao động phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp người sử dụng lao động không phải trích lập dự phòng trợ cấp mất việc làm cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009. Tuy nhiên trợ cấp thôi việc trả cho người lao động đủ điều kiện cho thời gian làm việc trước ngày 01 tháng 01 năm 2009 là mức lương bình quân trong vòng sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 801 (lầu 8), số 35 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

15. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Tập đoàn là vốn đầu tư của chủ sở hữu và được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông công ty mẹ.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ của các công ty trong Tập đoàn.

16. Cổ phiếu quỹ

Khi cổ phần trong vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Các khoản lãi hoặc lỗ khi mua, bán cổ phiếu quỹ được ghi vào chỉ tiêu Thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu.

17. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả trong kỳ cổ tức được công bố.

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

19. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 801 (lầu 8), số 35 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối năm. Việc xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

- Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư cuối năm của tiền và các khoản nợ ngắn hạn có gốc ngoại tệ được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán (chỉ tiêu Chênh lệch tỷ giá hối đoái) và được ghi bút toán ngược lại để xoá số dư vào đầu năm sau.
- Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ dài hạn có gốc ngoại tệ cuối năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2009 : 17.941VND/USD

31/12/2010 : 18.932 VND/USD

20. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm (mút xộp) được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận theo từng loại hình dịch vụ:

- Doanh thu đại lý tàu được ghi nhận khi tập hợp đầy đủ các chứng từ đầu vào có liên quan (bao gồm các khoản chi hộ) và phát hành hóa đơn giá trị gia tăng cho khách hàng.
- Doanh thu đại lý vận tải được ghi nhận theo quyết toán từng lô hàng đã hoàn thành dịch vụ trong kỳ do Phòng đại lý lập trên cơ sở trích trước các khoản chi phí có liên quan.
- Doanh thu khác được ghi nhận khi dịch vụ hoàn thành và đã phát hành hóa đơn giá trị gia tăng cho khách hàng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

21. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

22. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 801 (lầu 8), số 35 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.1.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	4.729.249.851	3.449.669.552
Tiền gửi ngân hàng ^(a)	127.972.072.104	147.093.557.288
Các khoản tương đương tiền ^(b)	92.111.600.000	36.570.600.000
Cộng	224.812.921.955 (*)	187.113.826.840

(a) Trong đó, Khoản tiền ký ngân của các hãng tàu tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 17.755.967.732 VND.

(b) Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng.

(*) Chi tiết số dư tại Công ty mẹ và các Công ty con như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty mẹ	163.792.550.664	146.496.230.845
Công ty TNHH China Shipping Việt Nam	55.833.649.379	40.617.095.695
Công ty cổ phần bất động sản đại lý hàng hải Việt Nam	5.186.721.912	500.300
Cộng	224.812.921.955	187.113.826.840

2. Đầu tư ngắn hạn

Tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng tại Công ty mẹ.

3. Phải thu khách hàng

Khoản tiền phải thu của các chủ tàu, Đại lý vận tải và các khách hàng về dịch vụ đã cung cấp. Chi tiết như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu khách hàng khu vực miền Bắc	34.808.502.322	35.610.191.655
Phải thu khách hàng khu vực miền Trung	7.587.942.322	3.809.837.014
Phải thu khách hàng khu vực miền Nam	40.586.371.713	16.488.574.067
Cộng	82.982.816.357 (*)	55.908.602.736

(*) Trong đó, khoản phải thu khách hàng của các Chi nhánh thuộc Công ty mẹ chưa được đối chiếu tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 32.776.415.144 VND.

Chi tiết số dư tại Công ty mẹ và các Công ty con như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty mẹ	76.768.113.411	47.554.740.842
Công ty TNHH China Shipping Việt Nam	6.214.702.946	8.353.861.894
Công ty cổ phần bất động sản đại lý hàng hải Việt Nam	-	-
Cộng	82.982.816.357	55.908.602.736

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 801 (lầu 8), số 35 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

4. Trả trước cho người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Khoản ứng trước cho các nhà cung cấp dịch vụ (*)	1.995.096.343	5.917.456.173
Khoản ứng trước cho các nhà cung cấp liên quan đến xây dựng cơ bản (Vosa Quảng Ninh)	9.251.099.090	-
Cộng	11.246.195.433	5.917.456.173

(*) Khoản ứng trước cho các nhà cung cấp dịch vụ về các khoản thu chi hộ: trả tiền cảng phí, hoa tiêu, dịch vụ cung cấp nước và các dịch vụ khác.

Chi tiết số dư tại Công ty mẹ và các Công ty con như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty mẹ	10.967.455.433	5.895.106.131
Công ty TNHH China Shipping Việt Nam	25.740.000	22.350.042
Công ty cổ phần bất động sản đại lý hàng hải Việt Nam	253.000.000	-
Cộng	11.246.195.433	5.917.456.173

5. Các khoản phải thu khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Lãi tiền gửi có kỳ hạn dự thu	290.654.319	118.870.090
Thuế thu nhập cá nhân phải thu công nhân viên	298.685.252	76.525.542
Bảo hiểm xã hội	31.527.371	22.827.373
Lãi góp vốn liên doanh phải thu	13.170.999	48.732.395
Thu chi hộ vận chuyển, cước tàu, phí lưu kho, phí chứng từ, xếp dỡ, ... cho các hãng tàu	9.929.673.908	8.431.594.935
Khoản phải thu khác	4.098.999.704	10.461.950.601
Cộng	14.662.711.553	19.160.500.936

Chi tiết số dư tại Công ty mẹ và các Công ty con như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty mẹ	12.255.942.064	11.919.108.103
Công ty TNHH China Shipping Việt Nam	2.406.769.489	1.781.392.833
Công ty cổ phần bất động sản đại lý hàng hải Việt Nam	-	5.460.000.000
Cộng	14.662.711.553	19.160.500.936

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Chi tiết phát sinh dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi tại Công ty mẹ như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán	1.601.528.305	918.042.549
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn dưới 1 năm	17.694.182	52.956.342
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm	-	45.367.507
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm	50.064.277	773.161.805
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn trên 3 năm	1.533.769.846	46.556.895

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 801 (lầu 8), số 35 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự phòng nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi	-	-
Cộng	1.601.528.305	918.042.549

Tình hình biến động dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	918.042.549	582.559.363
Số trích lập trong năm	683.485.756	335.483.186
Số cuối năm	1.601.528.305	918.042.549

7. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí sửa chữa	-	10.004.000
Chi phí bảo hiểm	77.287.914	59.968.691
Chi phí thuê văn phòng, nhà kho	136.181.818	18.000.000
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	401.882.234	123.751.291
Cộng	615.351.966	211.723.982

Chi tiết số dư tại Công ty mẹ và các Công ty con như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty mẹ	494.509.984	164.077.263
Công ty TNHH China Shipping Việt Nam	120.841.982	47.646.719
Công ty cổ phần bất động sản đại lý hàng hải Việt Nam	-	-
Cộng	615.351.966	211.723.982

8. Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tạm ứng	9.006.602.757	6.262.103.131
Tài sản thiếu chờ xử lý	91.880.211	91.880.211
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	9.719.714.400	5.304.308.784
Ký quỹ bảo lãnh, bảo đảm thanh toán cho các hãng tàu của Northern Freight	4.523.216.000	2.754.778.784
Ký quỹ bảo lãnh thanh toán cho các hãng hàng không	3.240.440.000	2.354.330.000
Ký quỹ đặt cọc thuê văn phòng	729.058.400	-
Ký quỹ mượn vỏ cont lạnh của Vosa Quảng Ninh	1.210.000.000	155.000.000
Ký quỹ ngắn hạn khác	17.000.000	40.200.000
Cộng	18.818.197.368	11.658.292.126

Chi tiết số dư tại Công ty mẹ và các Công ty con như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty mẹ	18.574.817.443	11.566.338.201
Công ty TNHH China Shipping Việt Nam	188.379.925	91.953.925
Công ty cổ phần bất động sản đại lý hàng hải Việt Nam	55.000.000	-
Cộng	18.818.197.368	11.658.292.126

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 801 (lầu 8), số 35 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	93.797.354.785	1.092.558.228	37.637.316.357	5.387.385.708	137.914.615.078
Tăng trong năm	1.164.962.790	884.790.798	6.245.040.593	957.086.831	9.251.881.012
Mua sắm mới	191.011.071	884.790.798	6.245.040.593	957.086.831	8.277.929.293
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	973.951.719	-	-	-	973.951.719
Giảm trong năm	-	-	(4.937.847.251)	(1.449.566.675)	(6.387.413.926)
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(4.937.847.251)	(1.409.566.675)	(6.347.413.926)
Phân loại sang TSCĐ vô hình	-	-	-	(40.000.000)	(40.000.000)
Số cuối năm	94.962.317.575	1.977.349.026	38.944.509.699	4.894.905.864	140.779.082.164
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	823.516.995	582.484.391	10.290.450.689	2.885.221.870	14.581.673.945
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	25.272.954.058	750.910.298	23.488.223.501	3.688.496.200	53.200.584.057
Khấu hao trong năm	5.670.471.427	105.969.397	3.534.255.204	720.853.976	10.031.550.004
Giảm trong năm	-	-	(4.181.385.620)	(725.817.207)	(4.907.202.827)
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(4.181.385.620)	(699.150.541)	(4.880.536.161)
Phân loại sang TSCĐ vô hình	-	-	-	(26.666.666)	(26.666.666)
Số cuối năm	30.943.425.485	856.879.695	22.841.093.085	3.683.532.969	58.324.931.234
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	68.524.400.727	341.647.930	14.149.092.856	1.698.889.508	84.714.031.021
Số cuối năm	64.018.892.090	1.120.469.331	16.103.416.614	1.211.372.895	82.454.150.930
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Chi tiết giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình tại Công ty mẹ và các Công ty con như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty mẹ	79.911.178.064	83.421.125.423
Công ty TNHH China Shipping Việt Nam	1.601.409.080	1.292.905.598
Công ty cổ phần bất động sản đại lý hàng hải Việt Nam	941.563.786	-
Cộng	82.454.150.930	84.714.031.021

10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	9.441.787.003	326.515.369	9.768.302.372
Tăng trong năm	2.140.247.000	92.200.000	2.232.447.000
Mua sắm mới	-	52.200.000	52.200.000
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	2.140.247.000	-	2.140.247.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 801 (lầu 8), số 35 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
<i>Phân loại từ TSCĐ hữu hình</i>	-	40.000.000	40.000.000
Thanh lý, nhượng bán	-	(18.933.360)	(18.933.360)
Số cuối năm	11.582.034.003	399.782.009	11.981.816.012
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>	-	-	-

Giá trị hao mòn

Số đầu năm	106.879.041	134.661.779	241.540.820
Tăng trong năm	33.751.276	132.519.330	166.270.606
<i>Khấu hao trong năm</i>	33.751.276	105.852.664	139.603.940
<i>Phân loại từ TSCĐ hữu hình</i>	-	26.666.666	26.666.666
Thanh lý, nhượng bán	-	(18.933.360)	(18.933.360)
Số cuối năm	140.630.317	248.247.749	388.878.066

Giá trị còn lại

Số đầu năm	9.334.907.962	191.853.590	9.526.761.552
Số cuối năm	11.441.403.686	151.534.260	11.592.937.946
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

Chi tiết giá trị còn lại của tài sản cố định vô hình tại Công ty mẹ và các Công ty con như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty mẹ	11.507.899.330	9.399.328.952
Công ty TNHH China Shipping Việt Nam	85.038.616	127.432.600
Công ty cổ phần bất động sản đại lý hàng hải Việt Nam	-	-
Cộng	11.592.937.946	9.526.761.552

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phát sinh tại Công ty mẹ như sau:

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Giảm khác	Số cuối năm
Mua sắm TSCĐ	-	2.140.247.000	(2.140.247.000)	-	-
XDCB dở dang	32.578.956.752	1.090.395.748	(973.951.719)	(174.451.453)	32.520.949.328
<i>Chi phí xây dựng Trung tâm điều hành sản xuất và kinh doanh tại số 1 Bến Vân Đồn (*)</i>	31.535.960.128	259.913.000	-	-	31.795.873.128
<i>Chi phí xây dựng kho thức ăn gia súc Quảng Ninh</i>	53.247.273	298.149.484	-	-	351.396.757
<i>Chi phí nâng cấp trụ sở tại Bãi Cháy Quảng Ninh, xây dựng mới khách sạn</i>	161.498.000	-	-	-	161.498.000
<i>Chi phí xây dựng nhà văn phòng tại số 30 – 32, Yên Thế, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh</i>	649.911.459	247.879.908	(757.175.363)	(140.616.004)	-
<i>Các công trình khác</i>	178.339.892	284.453.356	(216.776.356)	(33.835.449)	212.181.443
Cộng	32.578.956.752	3.230.642.748	(3.114.198.719)	(174.451.453)	32.520.949.328

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 801 (lầu 8), số 35 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

(*) Chi phí xây dựng Công trình Trung tâm điều hành sản xuất và kinh doanh tại số 1 Bến Vân Đồn đã được sử dụng để góp vốn vào Công ty cổ phần bất động sản đại lý hàng hải Việt Nam (Vosaland) với giá trị được các bên thống nhất là 46.500.000.000 VND theo Biên bản thỏa thuận góp vốn số 08/2009/TT-GV ngày 21 tháng 9 năm 2009 nhưng Công ty chưa hoàn tất thủ tục chuyển nhượng cũng như biên bản bàn giao cho Công ty cổ phần bất động sản đại lý hàng hải Việt Nam.

12. Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào công ty con - Công ty TNHH SYMS Việt Nam bị loại khỏi quá trình hợp nhất do không có Báo cáo tài chính.

13. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

Giá trị phần sở hữu của Tập đoàn tại Công ty TNHH NYK Line Việt Nam với tỷ lệ góp vốn là 49% như sau:

	Năm nay	Năm trước
Giá trị phần sở hữu đầu năm	10.401.879.112	11.431.702.643
Phần lãi hoặc lỗ trong năm	5.917.606.643	9.750.176.469
Cổ tức đã nhận trong năm	(8.379.000.000)	(10.780.000.000)
Giá trị phần sở hữu cuối năm	7.940.485.755	10.401.879.112

14. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư cổ phiếu Ngân hàng thương mại cổ phần hàng hải Việt Nam	799.217	7.400.160.000	740.016	7.400.160.000
Đầu tư trái phiếu Chính phủ		-		60.000.000
Đầu tư vào đơn vị khác		4.265.795.099		4.235.062.768
- Công ty TNHH NYK Logistics Việt Nam (*)		3.259.716.000		3.259.716.000
- Công ty cổ phần Vinalines Logistics Việt Nam	50.000	500.000.000	50.000	500.000.000
- Công ty liên doanh Bông Sen		506.079.099		475.346.768
Tiền gửi có kỳ hạn trên 12 tháng		2.211.022.340		14.352.800.000
Cộng		13.876.977.439		26.048.022.768

(*) Khoản đầu tư vào Công ty TNHH NYK Logistics Việt Nam với tỷ lệ góp vốn là 51% nhưng có thỏa thuận nhận lãi cố định và không tham gia vào hoạt động kinh doanh của Công ty.

Lý do thay đổi các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác:

- Cổ phiếu Ngân hàng thương mại cổ phần hàng hải Việt Nam: tăng do trong năm Công ty được chia cổ phiếu thưởng với số lượng 59.201 cổ phiếu mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.
- Trái phiếu Chính phủ: giảm do trái phiếu đến ngày đáo hạn.
- Công ty liên doanh Bông Sen: tăng do trong năm Công ty được chia lãi liên doanh nhưng để lại tăng vốn đầu tư.

15. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

Dự phòng khoản lỗ của Công ty TNHH SYMS Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 801 (lầu 8), số 35 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**16. Chi phí trả trước dài hạn**

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Kết chuyển vào chi phí SXKD trong năm	Số cuối năm
Chi phí sửa chữa	-	147.074.531	(36.768.630)	110.305.901
Công cụ, dụng cụ	206.563.260	838.506.697	(709.671.182)	335.398.775
Tiền thuê đất trả trước	2.011.654.098	-	(60.049.380)	1.951.604.718
Chi phí trả trước dài hạn khác	217.489.118	160.511.507	(232.267.488)	145.733.137
Cộng	2.435.706.476	1.146.092.735	(1.038.756.680)	2.543.042.531

Chi tiết số dư tại Công ty mẹ và các Công ty con như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty mẹ	2.389.963.049	2.368.849.332
Công ty TNHH China Shipping Việt Nam	42.000.000	66.857.144
Công ty cổ phần bất động sản đại lý hàng hải Việt Nam	111.079.482	-
Cộng	2.543.042.531	2.435.706.476

17. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh tại Công ty TNHH China Shipping Việt Nam. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	119.319.072	119.319.072
Phát sinh trong năm	-	-
Hoàn nhập trong năm	(119.319.072)	-
Số cuối năm	-	119.319.072

18. Tài sản dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ký quỹ bảo lãnh, bảo đảm thanh toán cho các hãng tàu của North Freight	149.310.400	111.798.920
Ký quỹ đặt cọc thuê văn phòng	579.452.820	551.522.877
Ký quỹ dài hạn khác	1.034.935.739	1.320.912.962
Cộng	1.763.698.959	1.984.234.759

Chi tiết số dư tại Công ty mẹ và các Công ty con như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty mẹ	732.763.220	667.321.797
Công ty TNHH China Shipping Việt Nam	1.020.935.739	1.316.912.962
Công ty cổ phần bất động sản đại lý hàng hải Việt Nam	10.000.000	-
Cộng	1.763.698.959	1.984.234.759

19. Vay và nợ ngắn hạn

Khoản vay ngắn hạn Cán bộ công nhân viên theo lãi suất 10,5%/năm để bổ sung vốn lưu động phát sinh tại Công ty mẹ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 801 (lầu 8), số 35 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về khoản vay như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	9.451.460.000	1.020.000.000
Số tiền vay phát sinh	5.150.120.913	5.500.000.000
Kết chuyển từ vay dài hạn	-	4.000.000.000
Số tiền vay đã trả	(8.978.949.913)	(1.068.540.000)
Số cuối năm	5.622.631.000	9.451.460.000

20. Phải trả người bán

Số tiền còn phải trả cho các nhà cung cấp dịch vụ (dịch vụ nâng hạ container, thuê kho, các dịch vụ thu chi hộ, ...). Chi tiết như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả người bán khu vực miền Bắc	24.335.238.580	46.735.280.612
Phải trả người bán khu vực miền Trung	5.416.871.243	3.235.905.265
Phải trả người bán khu vực miền Nam	18.395.166.335	27.582.493.612
Cộng	48.147.276.158 (*)	77.553.679.489

(*) Trong đó, khoản phải trả người bán của các Chi nhánh chưa được đối chiếu tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 6.210.620.628 VND.

Chi tiết số dư tại Công ty mẹ và các Công ty con như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty mẹ	35.997.146.438	57.133.712.212
Công ty TNHH China Shipping Việt Nam	12.150.129.720	20.419.967.277
Công ty cổ phần bất động sản đại lý hàng hải Việt Nam	-	-
Cộng	48.147.276.158	77.553.679.489

21. Người mua trả tiền trước

Số tiền khách hàng trả trước về dịch vụ Tập đoàn sẽ cung cấp. Chi tiết như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Người mua trả tiền trước khu vực miền Bắc	13.891.996.457	1.681.163.747
Người mua trả tiền trước khu vực miền Trung	2.800.711.805	1.828.452.724
Người mua trả tiền trước khu vực miền Nam	13.825.544.870	882.839.237
Cộng	30.518.253.132 (*)	4.392.455.708

(*) Trong đó, khoản người mua trả tiền trước của các Chi nhánh chưa được đối chiếu tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 19.706.546.607 VND.

Chi tiết số dư tại Công ty mẹ và các Công ty con như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty mẹ	29.706.087.371	4.288.758.684
Công ty TNHH China Shipping Việt Nam	812.165.761	103.697.024
Công ty cổ phần bất động sản đại lý hàng hải Việt Nam	-	-
Cộng	30.518.253.132	4.392.455.708

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 801 (lầu 8), số 35 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

22. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa (*)	2.604.514.193	12.600.232.899	(15.476.441.464)	(271.694.372)
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	2.317.994.230	(2.317.994.230)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.582.170.153	9.199.278.614	(7.066.011.580)	6.715.437.187
Thuế thu nhập cá nhân (*)	604.083.643	6.692.878.426	(5.582.339.350)	1.714.622.719
Tiền thuê đất (*)	11.815.700	1.445.270.424	(1.163.420.824)	293.665.300
Các loại thuế khác (*)	3.658.947.601	47.971.601.281	(47.750.048.488)	3.880.500.394
Cộng	11.461.531.290	80.227.255.874	(79.356.255.936)	12.332.531.228

(*) Trong đó các khoản thuế nộp thừa được trình bày ở chỉ tiêu Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước bao gồm:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế GTGT	565.310.772	-
Thuế thu nhập cá nhân	31.999.776	30.491.403
Thuế thu nhập doanh nghiệp	17.820.255	-
Tiền thuê đất	-	42.162.700
Thuế cược	308.033.933	373.515.693
Cộng	923.164.736	446.169.796

Thuế giá trị gia tăng

Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Hoa hồng đại lý hàng xuất và hàng nhập	Không chịu thuế
- Dịch vụ cung cấp cho tàu nước ngoài, Khu chế xuất	0%
- Hoạt động vận tải thủy bộ, đại lý tàu, container, kho bãi, ...	10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Tập đoàn được hưởng các ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

- Công ty cổ phần đại lý hàng hải Việt Nam được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 02 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 02 năm tiếp theo. Năm 2010 là năm thứ 4 Công ty cổ phần đại lý hàng hải Việt Nam hoạt động kinh doanh có lãi nên được hưởng ưu đãi giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp.
- Công ty TNHH China Shipping Việt Nam có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% lợi nhuận thu được từ hoạt động chính trong vòng 10 năm kể từ khi bắt đầu hoạt động và bằng 25% trong thời hạn hoạt động còn lại. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 02 năm kể từ năm bắt đầu kinh doanh có lãi và giảm 50% trong 03 năm tiếp theo. Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2005 là năm đầu tiên Công ty hoạt động kinh doanh có lãi.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25%.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 801 (lầu 8), số 35 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế sau điều chỉnh hợp nhất	47.844.721.549	39.046.362.085
<i>Điều chỉnh khoản lãi nội bộ trong tập đoàn</i>	<u>3.653.960.733</u>	<u>2.956.630.034</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	51.498.682.282	42.002.992.119
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Lỗ trong năm của các công ty con	245.647.477	1.499.700
- Các khoản điều chỉnh tăng	2.074.328.802	3.579.387.778
- Các khoản điều chỉnh giảm	<u>(12.149.422.567)</u>	<u>(15.038.862.693)</u>
Tổng thu nhập chịu thuế	41.669.235.994	30.545.016.904
Trong đó:		
- Thu nhập từ hoạt động kinh doanh áp dụng thuế suất 20%	6.988.629.119	5.347.313.806
- Thu nhập từ hoạt động kinh doanh áp dụng thuế suất 25%	8.776.415.372	(1.033.975.750)
- Thu nhập khác doanh nghiệp áp dụng thuế suất 25%	<u>25.904.191.503</u>	<u>26.231.678.848</u>
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	10.417.308.999	7.636.254.226
Thuế thu nhập doanh nghiệp chênh lệch do áp dụng thuế suất khác thuế suất phổ thông	(349.431.456)	(267.365.690)
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn giảm	(1.097.051.922)	(1.008.186.036)
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước	<u>228.452.993</u>	-
Tổng chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<u>9.199.278.614</u>	<u>6.360.702.500</u>

Tiền thuê đất

Công ty mẹ phải nộp tiền thuê đất đối với các diện tích đất sau:

- Diện tích 2.350m² đất tại Đại lý vận tải Quốc tế Phía Bắc (North Freight) và Đại lý hàng hải Hải Phòng đang sử dụng và nộp theo Thông báo hàng năm của cơ quan thuế.
- Diện tích 1.836 m² đất tại số 1A Bến Vân Đồn, quận 4, TP. Hồ Chí Minh với mức giá 117.600 VND/m². Thời hạn thuê là 39 năm (từ ngày 19 tháng 9 năm 2008 đến hết ngày 01 tháng 01 năm 2046).

Thuế cước, thuế nhà thầu

Các khoản thuế nộp hộ cho các chủ tàu nước ngoài thực hiện dịch vụ vận chuyển hàng hóa từ cảng biển Việt Nam ra nước ngoài, thuế lưu container.

Các loại thuế khác

Các loại thuế khác được kê khai và nộp theo qui định.

23. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay	-	211.509.900
Chi phí đại lý vận tải	2.400.232.588	-
Chi phí khác	6.449.455.051	5.211.648.335
Cộng	<u>8.849.687.639</u>	<u>5.423.158.235</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 801 (lầu 8), số 35 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chi tiết số dư tại Công ty mẹ và các Công ty con như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty mẹ	8.126.781.632	5.206.678.450
Công ty TNHH China Shipping Việt Nam	722.906.007	216.479.785
Công ty cổ phần bất động sản đại lý hàng hải Việt Nam	-	-
Cộng	8.849.687.639	5.423.158.235

24. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	42.003.448	16.855.149
Kinh phí công đoàn	1.305.627.048	1.227.893.487
Phải trả cổ phần hóa	-	4.500.000.000
Cổ tức phải trả	233.007.325	660.000
Lãi vay phải trả	307.200.000	577.500.000
Nhận ký quỹ ngắn hạn	334.084.000	-
Các khoản phải trả khác	152.349.339.223	103.408.954.634
<i>Các khoản trả hộ và tiền nhận để trả hộ cho các hãng tàu (*)</i>	<i>129.309.354.596</i>	<i>82.435.224.024</i>
<i>Tổng Công ty hàng hải Việt Nam</i>	<i>302.567.441</i>	<i>302.567.441</i>
<i>Tiền tài khoản ký ngân của các hãng tàu</i>	<i>11.421.056.406</i>	<i>8.555.134.918</i>
<i>Giữ hộ tiền của Công ty TNHH SYMS Việt Nam</i>	<i>5.637.645.752</i>	<i>5.744.645.752</i>
<i>Phải trả khác</i>	<i>5.678.715.028</i>	<i>6.371.382.499</i>
Cộng	154.571.261.044	109.731.863.270

(*) Trong đó, các khoản trả hộ và tiền nhận để trả hộ cho các hãng tàu của các Chi nhánh trực thuộc Công ty mẹ chưa được đối chiếu tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 71.625.868.594 VND.

Chi tiết số dư tại Công ty mẹ và các Công ty con như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty mẹ	127.203.842.080	97.381.710.107
Công ty TNHH China Shipping Việt Nam	27.367.418.964	12.349.653.163
Công ty cổ phần bất động sản đại lý hàng hải Việt Nam	-	500.000
Cộng	154.571.261.044	109.731.863.270

25. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	21.233.891.158	18.444.404.752
Tăng do trích lập từ lợi nhuận trong năm	6.674.867.231	8.423.206.586
Tăng khác	1.041.252.395	503.285.810
Chi quỹ trong năm	(10.637.279.106)	(6.075.336.032)
Giảm khác	(60.000.000)	(61.669.958)
Số cuối năm	18.252.731.678	21.233.891.158

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 801 (lầu 8), số 35 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chi tiết số dư tại Công ty mẹ và các Công ty con như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty mẹ	16.741.193.040	19.862.662.710
Công ty TNHH China Shipping Việt Nam	1.511.538.638	1.371.228.448
Công ty cổ phần bất động sản đại lý hàng hải Việt Nam	-	-
Cộng	18.252.731.678	21.233.891.158

26. Phải trả dài hạn khác

Khoản phải trả dài hạn khác phát sinh tại Công ty mẹ.

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nhận tiền ký quỹ thuê văn phòng Oceanpark của Europac Shipping	42.483.408	35.982.936
Các khoản khác	160.000.000	120.000.000
Cộng	202.483.408	155.982.936

27. Vay và nợ dài hạn

Khoản vay dài hạn phát sinh tại Công ty mẹ.

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay dài hạn các tổ chức và cá nhân khác	3.078.906.000	3.263.906.000
- Công ty TNHH Luen Wah Trading (Hong Kong) ^(a)	3.078.906.000	3.078.906.000
- Cán bộ công nhân viên ^(b)	-	185.000.000
Cộng	3.078.906.000	3.263.906.000

^(a) Khoản vay dài hạn 3.078.906.000 VND # 1.980.000 RMP từ Luen Wah Trading Co., Ltd. (Hong Kông) theo hợp đồng số 01/LC-HK ngày 10/4/1998, thời hạn vay là 25 năm và không tính lãi.^(b) Khoản vay Cán bộ công nhân viên theo lãi suất 1%/tháng để đầu tư tài sản cố định, thời hạn vay 36 tháng kể từ ngày nhận nợ.

Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	-	-
Trên 1 năm đến 5 năm	-	185.000.000
Trên 5 năm	3.078.906.000	3.078.906.000
Tổng nợ	3.078.906.000	3.263.906.000

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	3.263.906.000	9.258.906.000
Số tiền vay phát sinh	-	2.375.657.498
Số tiền vay đã trả	(185.000.000)	(4.370.657.498)
Kết chuyển sang nợ dài hạn đến hạn trả	-	(4.000.000.000)
Số cuối năm	3.078.906.000	3.263.906.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 801 (lầu 8), số 35 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

28. Dự phòng trợ cấp mất việc làm

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	1.543.793.037	1.218.020.309
Số trích lập trong năm	451.606.337	593.558.885
Số chi trong năm	(203.302.634)	(267.786.157)
Số cuối năm	1.792.096.740	1.543.793.037

Chi tiết số dư tại Công ty mẹ và các Công ty con như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty mẹ	1.151.427.788	894.418.248
Công ty TNHH China Shipping Việt Nam	640.668.952	649.374.789
Công ty cổ phần bất động sản đại lý hàng hải Việt Nam	-	-
Cộng	1.792.096.740	1.543.793.037

29. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục đính kèm trang 42.

Cổ tức

Cổ tức đã chi trả trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Trả cổ tức năm trước (11% mệnh giá)	12.814.059.500	20.993.225.000
Tạm ứng cổ tức	-	-
Cộng	12.814.059.500	20.993.225.000

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	11.650.000	11.650.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	11.650.000	11.650.000
- Cổ phiếu phổ thông	11.650.000	11.650.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	11.650.000	11.650.000
- Cổ phiếu phổ thông	11.650.000	11.650.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái

Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm của các khoản công nợ.

Mục đích trích lập các quỹ

- Quỹ đầu tư phát triển được dùng để mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu.
- Quỹ dự phòng tài chính được dùng để bù đắp những tổn thất, thiệt hại xảy ra trong quá trình kinh doanh hoặc các trường hợp bất khả kháng, ngoài dự kiến như thiên tai, hỏa hoạn,....

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 801 (lầu 8), số 35 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được dùng để phục vụ đối ngoại, phát triển kinh doanh và bổ sung vốn điều lệ.

30. Lợi ích của cổ đông thiểu số

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần quyền lợi của các cổ đông thiểu số trong giá trị tài sản thuần của các công ty con. Tình hình biến động lợi ích của cổ đông thiểu số như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	9.780.157.398	11.385.906.163
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	4.278.411.266	2.533.145.313
Điều chỉnh chênh lệch tỷ giá tương ứng lợi ích của cổ đông thiểu số	229.792.278	(139.513.536)
Tăng do góp vốn bổ sung trong năm	1.500.000.000	-
Giảm do chia cổ tức, lợi nhuận	(1.266.902.146)	(1.851.245.464)
Giảm do chi quỹ dự phòng tài chính	-	(2.553.960.977)
Điều chỉnh lợi ích cổ đông thiểu số của SYMS do không hợp nhất	-	590.950.446
Giảm do phân phối quỹ khen thưởng, phúc lợi	(329.470.432)	(185.124.547)
Số cuối năm	14.191.988.364	9.780.157.398

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	568.609.357.991	526.392.635.379
- Doanh thu đại lý tàu	73.275.170.836	61.253.555.222
- Doanh thu đại lý vận tải	359.822.617.950	373.587.645.592
- Doanh thu kiểm kiện	12.507.257.134	11.332.277.834
- Doanh thu kho ngoại quan	13.639.953.479	17.037.909.343
- Doanh thu hoa hồng hàng xuất khẩu, nhập khẩu	12.386.616.894	9.812.744.807
- Doanh thu sản xuất kinh doanh mứt xốp	7.563.945.055	5.130.757.496
- Doanh thu cho thuê sà lan, tàu lai	24.277.121.157	14.950.406.044
- Doanh thu cho thuê nhà kho, khách sạn	8.337.487.322	5.270.047.484
- Doanh thu dịch vụ khác	56.799.188.164	28.017.291.557
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	568.609.357.991	526.392.635.379

Chi tiết doanh thu tại Công ty mẹ và các Công ty con như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty mẹ	530.264.928.288	497.494.202.703
Công ty TNHH China Shipping Việt Nam	38.344.429.703	28.898.432.676
Công ty cổ phần bất động sản đại lý hàng hải Việt Nam	-	-
Cộng	568.609.357.991	526.392.635.379

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	75.119.847.338	76.601.737.489

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 801 (lầu 8), số 35 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Năm nay	Năm trước
Chi phí vật liệu bao bì	8.647.581.210	6.484.756.031
Chi phí công cụ sản xuất	-	4.338.667
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.927.092.452	7.536.230.220
Chi phí dịch vụ mua ngoài	272.149.498.825	332.961.142.230
Chi phí khác	114.730.265.013	37.271.279.716
Cộng	478.574.284.838	460.859.484.353

Chi tiết giá vốn hàng bán tại Công ty mẹ và các Công ty con như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty mẹ	463.289.849.374	449.858.467.070
Công ty TNHH China Shipping Việt Nam	15.284.435.464	11.001.017.283
Công ty cổ phần bất động sản đại lý hàng hải Việt Nam	-	-
Cộng	478.574.284.838	460.859.484.353

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	9.462.977.997	4.775.762.471
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	973.776.272	1.143.712.885
Lãi đầu tư Công trái, trái phiếu Chính phủ	4.840.000	88.690.619
Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.446.970.130	2.183.571.273
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	13.940.947.818	14.170.533.993
Lãi bán ngoại tệ	644.418.220	4.628.139.261
Cộng	27.473.930.437	26.990.410.502

Chi tiết doanh thu hoạt động tài chính sau khi điều chỉnh hợp nhất tại Công ty mẹ và các Công ty con như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty mẹ	20.039.819.229	22.549.686.865
Công ty TNHH China Shipping Việt Nam	6.853.988.354	4.440.723.337
Công ty cổ phần bất động sản đại lý hàng hải Việt Nam	580.122.854	300
Cộng	27.473.930.437	26.990.410.502

4. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	652.722.832	825.567.041
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	3.249.588.844	1.786.004.907
Lỗ kinh doanh chứng khoán	-	512.548.561
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	-	(1.217.000.000)
Chi phí tài chính khác	46.630.356	-
Cộng	3.948.942.032	1.907.120.509

Chi tiết chi phí tài chính sau khi điều chỉnh hợp nhất tại Công ty mẹ và các Công ty con như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty mẹ	2.552.391.408	1.457.545.205
Công ty TNHH China Shipping Việt Nam	1.396.550.624	449.575.304
Công ty cổ phần bất động sản đại lý hàng hải Việt Nam	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 801 (lầu 8), số 35 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Năm nay	Năm trước
Cộng	3.948.942.032	1.907.120.509

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	44.662.412.736	28.658.823.453
Chi phí nguyên vật liệu	1.395.048.365	804.163.436
Chi phí công cụ dụng cụ	1.913.240.339	1.998.530.159
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.244.061.492	1.855.504.524
Thuế, phí, lệ phí	1.307.752.843	1.046.593.891
Chi phí dự phòng	803.077.467	767.344.268
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.049.018.348	15.884.458.393
Chi phí khác	9.156.088.487	8.739.013.680
Cộng	76.530.700.077	59.754.431.804

Chi tiết chi phí quản lý doanh nghiệp tại Công ty mẹ và các Công ty con như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty mẹ	59.297.355.903	46.045.786.523
Công ty TNHH China Shipping Việt Nam	16.408.674.843	13.707.145.281
Công ty cổ phần bất động sản đại lý hàng hải Việt Nam	824.669.331	1.500.000
Cộng	76.530.700.077	59.754.431.804

6. Thu nhập khác

Thu nhập khác phát sinh tại Công ty mẹ như sau:

	Năm nay	Năm trước
Thu tiền nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	5.582.363.637	735.252.705
Các khoản thu nhập khác	1.002.100.029	82.977.728
Cộng	6.584.463.666	818.230.433

7. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Giá trị còn lại của tài sản cố định nhượng bán, thanh lý	1.466.877.765	337.056.970
Chi phí bồi thường container trả cho China Shipping Container Lines	-	1.905.661.450
Thuế bị phạt, bị truy thu	48.221.094	114.758.845
Các khoản chi phí khác	171.611.383	26.576.767
Cộng	1.686.710.242	2.384.054.032

Chi tiết chi phí khác tại Công ty mẹ và các Công ty con như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty mẹ	1.548.639.441	478.392.582
Công ty TNHH China Shipping Việt Nam	136.969.801	1.905.661.450
Công ty cổ phần bất động sản đại lý hàng hải Việt Nam	1.101.000	-
Cộng	1.686.710.242	2.384.054.032

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 801 (lầu 8), số 35 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông Công ty mẹ	34.247.712.596	30.152.514.272
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của cổ đông Công ty mẹ	34.247.712.596	30.152.514.272
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (*)	11.650.000	11.646.876
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.940	2.589

(*) Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	11.650.000	11.643.700
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	-	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành	-	3.176
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	11.650.000	11.646.876

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	10.042.629.575	7.288.919.467
Chi phí nhân công	119.782.260.074	105.260.560.942
Chi phí công cụ dụng cụ	1.913.240.339	2.002.868.826
Chi phí khấu hao tài sản cố định	10.171.153.944	9.391.734.744
Chi phí dịch vụ mua ngoài	287.198.517.173	348.845.600.623
Chi phí khác	125.997.183.810	47.824.231.555
Cộng	555.104.984.915	520.613.916.157

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

- Các khoản tiền và tương đương tiền Tập đoàn đang nắm giữ nhưng không được sử dụng**
Công ty không được phép sử dụng khoản tiền người mua trả trước, số tiền 17.755.967.732 VND (xem thuyết minh số V.1) do các ràng buộc mà Công ty cổ phần Đại lý hàng hải Việt Nam phải thực hiện với các hãng tàu.
- Các giao dịch không bằng tiền**
Trong năm, Tập đoàn đã mua tài sản cố định bằng cách nhận nợ với số tiền là 187.968.943 VND chưa thanh toán cho nhà cung cấp (Vosa Sài Gòn và North Freight thuộc Công ty mẹ và China Shipping).

Ngoài ra, Công ty mẹ cũng đã ứng trước cho nhà cung cấp để thực hiện các hợp đồng xây dựng cơ bản tại Vosa Quảng Ninh với số tiền là 9.251.099.090 VND (thuyết minh V.4).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 801 (lầu 8), số 35 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

3. Các giao dịch khác

Trong năm, Công ty mẹ đã chi tiền để gửi tiết kiệm có kỳ hạn và thu hồi các khoản tiền gửi có kỳ hạn với số tiền lần lượt là 110.351.060.140 VND và 118.699.192.000 VND.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

4. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	3.389.745.337	1.993.198.297
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	33.907.704	32.440.780
Phụ cấp	645.039.000	231.845.258
Tiền thưởng	480.122.000	250.857.302
Cộng	4.548.814.041	2.508.341.637

5. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Tập đoàn.

Khu vực địa lý

Hoạt động của Tập đoàn được phân bố chủ yếu ở khu vực miền Bắc, khu vực miền Trung và khu vực miền Nam.

Thông tin về bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của tài sản của Tập đoàn được thể hiện ở phụ lục đính kèm trang từ trang 43 đến trang 45.

6. Thay đổi chính sách kế toán

Năm 2010, Tập đoàn áp dụng các qui định tại Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp liên quan đến hướng dẫn hạch toán kế toán trường hợp nhà đầu tư được nhận cổ phiếu do công ty cổ phần tăng vốn đầu tư của chủ sở hữu (Điều 15), bảo hiểm thất nghiệp (Điều 17), quỹ khen thưởng, phúc lợi (Điều 18) và lập và trình bày Báo cáo tài chính (Điều 24).

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2010

(Đã ký)

Võ Trung Thắng
Người lập biểu

(Đã ký)

Phan Văn Khánh
Phó phụ trách
Phòng Tài chính Kế toán

(Đã ký)

Trần Dũng Khánh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 801, lầu 8, số 35 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, quận 1 , TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Phụ lục: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Đơn vị tính: VND						
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	116,437,000,000	-	15,040,051,825	2,669,521,102	481,748,346	24,080,422,318	158,708,743,591
Tăng vốn trong năm	63,000,000	-	-	-	-	-	63,000,000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	30,152,514,272	30,152,514,272
Trích lập các quỹ trong năm	-	-	7,873,555,896	3,380,231,040	493,831,556	(20,170,825,081)	(8,423,206,589)
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	-	-	(12,815,000,000)	(12,815,000,000)
Chi quỹ trong năm	-	-	-	(2,658,204,283)	(348,310,519)	-	(3,006,514,802)
Các khoản khác	-	5,170,575,744	-	-	-	(791,100,844)	4,379,474,900
Số dư cuối năm trước	116,500,000,000	5,170,575,744	22,913,607,721	3,391,547,859	627,269,383	20,456,010,666	169,059,011,373
	-	-	-	-	-	-	-
Số dư đầu năm nay	116,500,000,000	5,170,575,744	22,913,607,721	3,391,547,859	627,269,383	20,456,010,666	169,059,011,373
Tăng vốn trong năm	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	34,247,712,596	34,247,712,596
Trích lập các quỹ trong năm	-	-	1,824,092,699	2,166,931,932	4,827,330,125	(15,493,221,987)	(6,674,867,231)
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	-	-	(12,815,000,000)	(12,815,000,000)
Chi quỹ trong năm	-	-	-	-	(239,100,000)	-	(239,100,000)
Các khoản khác	-	(2,041,015,201)	-	-	(194,059,811)	234,430,325	(2,000,644,687)
Số dư cuối năm nay	116,500,000,000	3,129,560,543	24,737,700,420	5,558,479,791	5,021,439,697	26,629,931,600	181,577,112,051
	-	-	-	-	-	-	-

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2011

(Đã ký)
Võ Trung Thắng
Người lập biểu

(Đã ký)
Phan Văn Khánh
Phó phụ trách Phòng Tài chính kế toán

(Đã ký)
Trần Dũng Khánh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 8001, lầu 8, tòa nhà Habour View, số 35 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Phụ lục: Thông tin về bộ phận theo khu vực địa lý

Đơn vị tính: VND

Thông tin về k t kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác a bộ phận theo khu vực địa lý a Tập đoàn:

	Khu vực miền Bắc	Khu vực miền Trung	Khu vực miền Nam	Các khoản loại trừ	Cộng
Năm nay					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	396,297,726,701	48,569,522,892	123,742,108,398	-	568,609,357,991
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	396,297,726,701	48,569,522,892	123,742,108,398	-	568,609,357,991
Chi phí bộ phận	373,793,571,503	47,986,988,443	133,324,424,969	-	555,104,984,915
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	22,504,155,198	582,534,449	(9,582,316,571)	-	13,504,373,076
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					13,504,373,076
Doanh thu hoạt động tài chính					27,473,930,437
Chi phí tài chính					(3,948,942,032)
Thu nhập khác					6,584,463,666
Chi phí khác					(1,686,710,242)
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh					5,917,606,643
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(9,199,278,614)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					(119,319,072)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					38,526,123,862
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	4,005,818,070	1,634,787,680	7,066,259,026	-	12,706,864,776
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	6,710,419,325	911,742,059	3,587,749,240	-	11,209,910,624

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 8001, lầu 8, tòa nhà Habour View, số 35 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Phụ lục: Thông tin về bộ phận theo khu vực địa lý

Đơn vị tính: VND

Thông tin về k t kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác a bộ phận theo khu vực địa lý a Tập đoàn:

	Khu vực miền Bắc	Khu vực miền Trung	Khu vực miền Nam	Các khoản loại trừ	Cộng
Năm trước					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	384,354,476,639	16,783,359,054	125,254,799,686	-	526,392,635,379
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	384,354,476,639	16,783,359,054	125,254,799,686	-	526,392,635,379
Chi phí bộ phận	376,492,547,580	16,068,419,124	128,052,949,453	-	520,613,916,157
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	7,861,929,059	714,939,930	(2,798,149,767)	-	5,778,719,222
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					5,778,719,222
Doanh thu hoạt động tài chính					26,990,410,502
Chi phí tài chính					(1,907,120,509)
Thu nhập khác					818,230,433
Chi phí khác					(2,384,054,032)
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh					9,750,176,469
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(6,360,702,500)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					32,685,659,585
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	5,099,930,575	62,282,857	1,381,943,829	-	6,544,157,261
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	5,219,847,701	859,517,299	5,802,243,736	-	11,881,608,736

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Phòng 8001, lầu 8, tòa nhà Habour View, số 35 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Phụ lục: Thông tin về bộ phận theo khu vực địa lý

Đơn vị tính: VND

i n n i a b ph n theo khu v c đ a a Tập đoàn như sau:

	Khu vực miền Bắc	Khu vực miền Trung	Khu vực miền Nam	Các khoản loại trừ	Cộng
Số cuối năm					
Tài sản trực tiếp của bộ phận	199,060,096,303	23,707,338,800	264,637,580,968	-	487,405,016,071
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	28,028,308,161	(2,810,586,656)	25,217,721,505
Tổng tài sản					512,622,737,577
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	112,093,050,705	14,512,056,485	171,995,798,294	-	298,600,905,484
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	4,173,090,382	157,215,475	13,922,425,821	-	18,252,731,678
Tổng nợ phải trả					316,853,637,162
Số đầu năm					
Tài sản trực tiếp của bộ phận	173,460,643,955	18,119,248,972	221,128,748,415	-	412,708,641,342
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	40,325,398,550	(475,238,359)	39,850,160,191
Tổng tài sản					452,558,801,533
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	104,278,954,504	9,055,790,011	139,148,997,089	-	252,483,741,604
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	1,105,909,458	117,353,225	20,012,628,475	-	21,235,891,158
Tổng nợ phải trả					273,719,632,762